

Châu Thành, ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Số: 430/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 576/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh Trần Hoài Hồng T, sinh năm: 1982;

2. Chị Trần Thị Đỗ Q, sinh năm: 1988;

Cùng địa chỉ: 215C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Hoài Hồng T và chị Trần Thị Đỗ Q trình bày:

Vợ chồng anh T, chị Q cưới và chung sống với nhau một thời gian nhưng nhận thấy không hợp nhau. Sau khi cưới anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian nhưng do tính tình không hợp nên thường hay cự cãi. Khi xảy ra mâu thuẫn anh T, chị Q đã tìm cách tháo gỡ, gia đình hai biết việc vợ chồng anh T bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh T, chị Q đã ly thân khoảng 03 năm nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan T đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Anh chị nhận thấy khả năng không thể tháo gỡ mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, tình hình càng lúc càng xấu đi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: anh T, chị Q có 01 con chung là Trần Hoài Trúc P, sinh ngày 12/9/2011. Hiện nay con chung đang sống với chị Q. Khi ly hôn anh chị thống nhất con chung chị Q được tiếp tục nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời điểm

cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 9/2019 đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hoài Hồng T và chị Trần Thị Đỗ Q thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh Trần Hoài Hồng T đồng ý cho chị Trần Thị Đỗ Q được tiếp tục nuôi cháu Trần Hoài Trúc P, sinh ngày 12/9/2011.

Ghi nhận anh Trần Hoài Hồng T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Đỗ Q mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng/tháng). Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 9/2019 đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi.

Anh Trần Hoài Hồng T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Trần Hoài Hồng T và chị Trần Thị Đỗ Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T và chị Q không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Trần Hoài Hồng T đồng ý chịu toàn bộ lệ phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007061 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Trung